

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**
Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2026
*V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Kim Thêu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Tú;
2. Ông Trần Đức Cường.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 30/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị B, sinh năm 1993; số CCCD: 020193009001, ngày cấp: 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi cư trú: Khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đường Quốc T, sinh năm 1994; số CCCD: 020094000456, ngày cấp: 29/3/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C; nơi cư trú: Khu C, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/4/2026 và các bản khai, nguyên đơn chị Âu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị B và anh Đường Quốc T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn) ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Đường Quốc T thường xuyên cờ bạc, thỉnh thoảng còn đánh đập chị. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tại, mặc dù chị và con chung vẫn sống cùng nhà với bố mẹ chồng nhưng vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2023 khi anh Đường Quốc T đi làm và từ đó không về nhà nữa. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn liên lạc, quan tâm, hỏi thăm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh Đường Quốc T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đường Gia T, sinh ngày 05/9/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đường Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Do bận công việc đi làm xa không thể đến tham dự phiên tòa, ngày 13/7/2026 chị Âu Thị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Đường Quốc T nhưng anh Đường Quốc T không tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2026 ông Đường Trường S là bố đẻ của anh Đường Quốc T cung cấp thông tin như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh Đường Quốc T và chị Âu Thị B được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn) và được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng, do anh Đường Quốc T thường xuyên cờ bạc, ham chơi nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã và đánh chửi nhau. Sau đó anh Đường Quốc T đi làm ở Quảng Ninh rất ít khi về nhà. Ông đã nhận được các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đường Quốc T biết việc Tòa án thụ lý giải quyết việc chị Âu Thị B xin ly hôn với anh Đường Quốc T nhưng do hiện nay do anh Đường Quốc T đi làm xa nên không về được. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đường Gia T, sinh ngày 05/9/2016. Hiện nay cháu Đường Gia T1 và chị Âu Thị B đang sinh sống cùng gia đình ông bà. Về nợ chung và tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Âu Thị B vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đường Quốc T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị B và anh Đường Quốc T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn) ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị Âu Thị B sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đường Quốc T ham chơi, cờ bạc và không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2023, chị Âu Thị B làm đơn xin ly hôn, anh Đường Quốc T có biết thông tin Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn nhưng không đến Tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Do đó có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Âu Thị B và anh Đường Quốc T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Âu Thị B được ly hôn với anh Đường Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu là Đường Gia T, sinh ngày 05/9/2016. Từ khi hai vợ chồng ly thân năm 2023 đến nay, cháu Đường Gia T do chị Âu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân cháu Đường Gia T có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chị Âu Thị B có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đường Gia T, không yêu cầu anh Đường Quốc T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đường Gia T cho chị Âu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đường Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Âu Thị B chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Âu Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Âu Thị B vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đường Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Đường Quốc T cư trú tại thôn C, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị B và anh Đường Quốc T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn) ngày 04/4/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016 do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù hiện nay chị Âu Thị B và con chung đang sống cùng bố mẹ chồng nhưng vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn liên lạc, quan tâm, hỏi thăm đến nhau nữa. Anh Đường Quốc T mặc dù đã được gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án thể hiện quan điểm của mình và không có hành động gì thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Âu Thị B và anh Đường Quốc T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Âu Thị B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu là Đường Gia T, sinh ngày 05/9/2016. Khi ly hôn, chị Âu Thị B yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đường Quốc T cấp dưỡng nuôi con. Xét các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho thấy, từ khi sinh ra, lớn lên và từ thời điểm hai vợ chồng ly thân năm 2023 đến nay, cháu Đường Gia T do chị Âu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân cháu Đường Gia T có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, cháu Đường Gia T là trẻ em nữ, hiện đang trong giai đoạn cần sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên và gần gũi của người mẹ cả về thể chất lẫn tinh thần. Việc được sống cùng mẹ trong giai đoạn này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển, hình thành nhân cách, thói quen sinh hoạt và đáp ứng các nhu cầu chăm sóc đặc thù của trẻ em gái. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của trẻ em, cần giao con chung là cháu Đường Gia T cho chị Âu Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đường Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Âu Thị B chưa yêu cầu. Anh Đường Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Âu Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị B được ly hôn với anh Đường Quốc T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2016 ngày 04/4/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đường Gia T, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Âu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đường Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Âu Thị B chưa yêu cầu. Anh Đường Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Âu Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Âu Thị B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001026, ngày 07/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Thêu

